

Bản án số 59/2022/HSST
Ngày 29 tháng 8 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Thiện Thành

Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến, ông Đinh Duy Quyết

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Hồng Mơ - là thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà:
Ông Trần Hồng Minh - Kiểm sát viên

Ngày 29/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2022/HSST ngày 05/8/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

*** Đặng Văn T** (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1990; tại xã Gia T, huyện V, tỉnh N; nơi cư trú thôn 3, xã Gia T, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị N; có vợ Nguyễn Thị L và có 04 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 12/QĐ-XPHC ngày 17/9/2021, Công an xã Văn P, huyện Q, tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc". Bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1977 (đã chết).

Nơi ĐKKHTT: Xóm Đông T, xã G, huyện V, tỉnh N.

*** Người đại diện hợp pháp của bị hại:**

Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1954 (Là mẹ bà L);

Nơi cư trú thôn Trung H, xã T, huyện T, tỉnh H;

Chị **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1997 (Là con bà L);

Chị **Nguyễn Thị Á**, sinh năm 1999 (Là con bà L);

Anh **Nguyễn Hồng P**, sinh năm 2001 (Là con bà L);

Đều có nơi cư trú xóm Đông T, xã G, huyện V, tỉnh N.

(Bà **Trần Thị L**, chị **Nguyễn Hồng N**, chị **Nguyễn Thị Á**, anh **Nguyễn Hồng P** đều ủy quyền cho ông **Trần Văn C**, nơi cư trú thôn Trung H, xã T, huyện T, tỉnh H theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2022). Ông C vắng mặt tại phiên tòa;

*** Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Anh **Bùi Như T**, sinh năm 1985; Nơi cư trú thôn 5, xã Gia T, huyện V, tỉnh N. (Vắng mặt).

Chị **Nguyễn Thị Á**, sinh năm 1999; nơi cư trú xóm Đ, xã G, huyện V, tỉnh N. (Vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

Ông **Nguyễn Văn M**, bà **Bùi Thị H** (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đặng Văn T có giấy phép lái xe ô tô hạng C do Sở giao thông vận tải tỉnh N cấp và lái xe thuê cho anh Bùi Như T. Sáng ngày 29/4/2022, T điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, màu sơn xanh, biển kiểm soát 35C-***** chở vật liệu san lấp nền di chuyển trong phạm vi công trường “*xây dựng cơ sở hạ tầng khu dịch vụ và nhà ở công nhân phục vụ khu công nghiệp G và địa bàn lân cận*” thuộc địa phận thôn 1, xã Gia T, huyện V (Công trình do Công ty đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh N là chủ đầu tư và Công ty TNHH một thành viên Đầu tư xây dựng và thương mại K, có trụ sở tại xã G, huyện V làm nhà thầu thi công từ ngày 27/4/2020, hiện đang trong giai đoạn xây dựng, chưa bàn giao và chưa đưa vào sử dụng). Khoảng 08 giờ 40 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô chở đất đá hỗn hợp đi trên tuyến đường C3 (*theo bản đồ quy hoạch khu công trình*) theo hướng Tây Bắc sang Đông Nam. Khi đi đến ngã tư giao nhau giữa tuyến đường C3 với tuyến đường NB10, Thợ điều khiển xe ô tô chuyển hướng rẽ phải vào đường NB10. Cùng lúc này, bà Trần Thị L, sinh năm 1977, nơi cư trú xóm Đ, xã G, huyện V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn Đỏ-Nâu-Bạc, biển kiểm soát 35B2-*****, đang đi cùng chiều sát phía bên phải đường, song song với xe ô tô do T điều khiển. Do T chuyển hướng rẽ phải nhưng không bật đèn tín hiệu báo xin chuyển hướng, không quan sát phía sau nên bánh trước bên phải xe ô tô đã va chạm với phần đuôi xe mô tô làm xe mô tô bị đổ, bà L ngã xuống đất. Xe ô tô vẫn tiếp tục di chuyển theo hướng rẽ làm mất trước ngoài cạnh dọc thanh chắn gầm bảo hiểm bên phải xe ô tô va chạm với mặt ngoài khung kim loại bảo vệ đuôi xe mô tô, bánh sau bên phải xe ô tô cán lên phần đuôi xe mô tô và cán qua đầu bà Luyến. Hậu quả: Bà Trần Thị L tử vong tại hiện trường.

Sau khi xảy ra vụ việc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ 01 xe ô tô biển kiểm soát 35C-***** và 01 xe mô tô biển kiểm soát 35B2-*****, đã qua sử dụng để khám nghiệm phương tiện, thu thập dấu vết; đồng thời ra quyết định trưng cầu pháp y tử thi Trần Thị L để xác định nguyên nhân tử vong.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số: 383/KLGD-KTHS-PY ngày 27/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh N kết luận “*Nguyên nhân chết của bà Trần Thị L: Đa chấn thương*”.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKS-GV ngày 04/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N đã truy tố **Đặng Văn T** ra trước Tòa án nhân dân

huyện V, tỉnh N để xét xử về tội “**Vô ý làm chết người**”, theo khoản 1 Điều 128 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Vô ý làm chết người”. Áp dụng khoản 1 Điều 128; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 30 đến 36 tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Gia T, huyện V, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hằng tháng của bị cáo Đặng Văn T để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành án. Giao bị cáo **Đặng Văn T** cho Ủy ban nhân dân xã Gia T, huyện V, tỉnh N và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo trong thời gian cải tạo.

Tại phiên tòa, bị cáo **Đặng Văn T** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Vô ý làm chết người”, là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo rất hối hận và đã bồi thường cho gia đình bị hại 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Ông Trần Văn C là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại trong quá trình điều tra trình bày: Sáng ngày 29/4/2022 bà Trần Thị L bị tai nạn tử vong tại hiện trường; xác nhận, đã thỏa thuận và nhận 200.000.000 đồng tiền do bị cáo bồi thường; không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về vấn đề trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Bùi Như T trong quá trình điều tra trình bày: Đặng Văn T là lái xe thuê cho anh. Sáng ngày 29/4/2022, T điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 35C-***** chở vật liệu san lấp nền di chuyển trong phạm vi công trường “*xây dựng cơ sở hạ tầng khu dịch vụ và nhà ở công nhân phục vụ khu công nghiệp G và địa bàn lân cận*” đã gây tai nạn làm bà Trần Thị L tử vong. Cơ quan Công an đã thu giữ và trả lại cho anh 01 xe ô tô biển kiểm soát 35C-***** và anh không có ý kiến gì.

Chị Nguyễn Thị Á trong quá trình điều tra trình bày: Chị là con của bà Trần Thị L bị tai nạn tử vong ngày 29/4/2022 xác nhận, gia đình đã thỏa thuận và nhận 200.000.000 đồng tiền do bị cáo bồi thường. Cơ quan Công an đã thu giữ và trả lại cho chị 01 xe mô tô biển kiểm soát 35B2-***** và chị không có ý kiến gì.

Lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 40 phút, ngày 29/4/2022, tại khu vực ngã tư giao nhau giữa tuyến đường C3 với tuyến đường NB10 trong công trường “*Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dịch vụ và nhà ở công nhân phục vụ khu công nghiệp G và địa bàn lân cận*” thuộc địa phận thôn 1, xã Gia T, huyện V. Đặng Văn T đã có hành vi điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 35C – ***** chuyển hướng rẽ phải nhưng do cầu thả không bật đèn báo tín hiệu chuyển hướng, không quan sát phía sau, không đảm bảo an toàn nên đã để bánh trước bên phải xe ô tô do mình điều khiển va chạm với phần đuôi xe mô tô BKS 35B2 - ***** do bà Trần Thị L điều khiển đang đi ở phía bên phải cùng chiều với xe ô tô. Hậu quả: bà Trần Thị L tử vong tại hiện trường.

Bộ luật Hình sự quy định:

“Điều 128. Tội vô ý làm chết người.

1. Người nào vô ý làm chết người, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...”

[3]. Hành vi của bị cáo Đặng Văn T đã nêu trên là phạm tội “Vô ý làm chết người”, được quy định tại khoản 1 Điều 128 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vô ý xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đặng Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường, khắc phục hậu quả thiệt hại theo thỏa thuận cho gia đình người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình

tiết được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng theo biên bản xác minh thu nhập đối với bị cáo Đặng Văn T ngày 27/6/2022, là 3.330.000 đồng/tháng thành tiền là 333.000 đồng/tháng, theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại một lần theo thỏa thuận cho gia đình người bị hại số tiền 200.000.000 đồng. Ông Trần Văn C là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của người bị hại đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về vấn đề trách nhiệm dân sự. Vì vậy, vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[9]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu TMT màu xanh, BKS *****, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Bùi Như T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại tài sản trên cho anh T, là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 35B2 - *****, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Á, sinh năm 1999, trú tại xóm Đ, xã G, huyện V. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại chiếc xe trên cho chị Á, là phù hợp.

[10] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Vô ý làm chết người”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 128; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T** 30 (Ba mươi) tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã Gia T, huyện V, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập trong 30 (Ba mươi) tháng, mỗi tháng là 333.000 đồng/tháng.

Giao bị cáo **Đặng Văn T** cho Ủy ban nhân dân xã Gia T, huyện V, tỉnh N giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo trong thời gian cải tạo.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

2. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
 - VKSND tỉnh N;
 - Công an huyện V;
 - Chi cục THADS huyện V;
 - VKSND huyện V;
 - Bị cáo; người ĐDHP của người bị hại;
 - Người có QLNVLQ;
 - Lưu hồ sơ, văn phòng;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

(đã ký)

Hà Thiện Thành